TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HC-PT
Ngày: 31/7/2025
V/v: *"Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, buộc xin lỗi công khai và yêu cầu bồi thường thiệt hại"*

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Ông Nguyễn Trung Hưng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Ngọc Đức - Thư ký TAND tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Bà Đặng Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 09/2025/TLPT-HC ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, buộc xin lỗi công khai và yêu cầu bồi thường thiệt hại";*

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2025/QĐ-PT ngày 07/7/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Liêu Thị Long X, sinh năm 1976.

Địa chỉ: H H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức H- Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2025)

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Liêu Thị Long X.

(*Bà X có mặt; ông H vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện bà Liêu Thị Long X trình bày:*

Vào lúc 22 giờ 28 phút ngày 11/02/2018, Công an phường T vào nhà bà Liêu Thị Long X tịch thu một số tài sản (bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 05 cái bàn I, 12 cái ghế nhựa) và lập Biên bản vi phạm hành chính số: 00008/BB-VPHC ngày 11/02/2018 (gọi tắt là Biên bản số: 00008/BB-VPHC) về lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ. Công an phường T không giao biên bản vi phạm hành chính cho bà X.

Ngày 05/3/2018, đại diện UBND phường T giao cho bà X Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 12/QĐ-XPHC ngày 14/02/2018 (gọi tắt là Quyết định số: 12/QĐ-XPHC) và Biên bản số: 00008/BB-VPHC. Quyết định số: 12/QĐ-XPHC và Biên bản số: 00008/BB-VPHC là trái pháp luật, cụ thể:

- Biên bản số: 00008/BB-VPHC yêu cầu bà X đến Công an phường T làm việc ngày 21/02/2018 (mùng 06/01 âm lịch) nhưng Quyết định số: 12/QĐ-XPHC lại ban hành vào ngày 14/02/2018 (ngày 29/12 âm lịch, đã nghỉ Tết nguyên đán) là không đúng quy trình về thủ tục hành chính. Ngày 21/02/2018, Công an phường T không có biên bản làm rõ vụ việc với bà X theo Biên bản số: 00008/BB-VPHC mà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ảnh hưởng đến quyền lợi giải trình hợp pháp của bà X.

- Công an phường T tịch thu tài sản của bà X vào lúc 22 giờ 28 phút ngày 11/02/2018 là trái với quy định thời gian làm việc hành chính nhà nước cho phép; tịch thu tài sản nhưng không ghi tài sản tịch thu vào trong biên bản là cố ý làm sai quy định của pháp luật.

Khi nhận được Biên bản số: 00008/BB-VPHC và Quyết định số: 12/QĐ-XPHC, bà X khiếu nại lần 1 đến Chủ tịch UBND phường T. Ngày 23/3/2018, Chủ tịch UBND phường T đã ra Văn bản số: 35/UBND không chấp nhận khiếu nại của

bà X (gọi tắt là Văn bản số: 35/UBND) với lý do: "Do sơ suất trong quá trình soạn thảo văn bản đánh máy nên bị nhầm ngày tháng năm, việc này không ảnh hưởng gì đến nội dung của quyết định...". Ngày 19/3/2018, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC (gọi tắt là Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC) nhưng tiếp tục bị sai ngày tháng năm ngày 14/02/2018 đánh thành ngày 14/12/2018. Sau khi Chủ tịch UBND phường T không chấp nhận khiếu nại, bà X đã khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND thành phố B nhưng không được giải quyết. Vào năm 2020, bà X khởi kiện nhưng do phải điều trị tâm thần tại Viện Pháp y tâm thần Trung ương B nên bị gián đoạn việc khởi kiện.

Tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2022, bà X yêu cầu:

- Hủy Quyết định số: 12/QĐ-XPHC và Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T;

- Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T bồi thường thiệt hại số tiền 404.297.000 đồng, cụ thể:

+ Tổn thất tinh thần cho người đại diện theo pháp luật của Công ty X1 là 74.500.000 đồng;

+ Thiệt hại tạm ngưng kinh doanh năm 2019 của Công ty X1 là: 75.797.000 đồng;

+ Chi phí thuê nhà số H H, phường T, thành phố B làm trụ sở chính của Công ty X1 là 204.000.000 đồng;

+ Chi phí dịch vụ pháp lý (luật sư): 50.000.000 đồng.

- Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T hoàn trả lại tài sản gồm: 01 bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 5 cái bàn inox, 12 cái ghế nhựa.

Tại đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 20/7/2022, bà X xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số: 12/QĐ-XPHC và Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T.

- Buộc Ủy ban nhân dân phường T:

+ Xin lỗi bằng văn bản và đăng báo Đ 03 kỳ liên tiếp;

+ Trả lại tài sản gồm: 01 bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 05 cái bàn inox, 12 cái ghế nhựa;

+ Bồi thường thiệt hại số tiền 163.670.000 đồng (bao gồm: thu nhập bị mất do ảnh hưởng kinh doanh 30.000.000 đồng, tổn thất tinh thần là 74.500.000 đồng, chi phí luật sư là 50.000.000 đồng).

Quá trình làm việc tại Tòa án, ngày 09/9/2022 bà X nhận được Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018 (gọi tắt là Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC) của Chủ tịch UBND phường T về việc huỷ Quyết định số: 12/QĐ-XPVPHC và Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC.

Tại phiên tòa, bà X xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 12/QĐ-XPHC, Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC, Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC và Văn bản số: 35/UBND của Chủ tịch UBND phường T.

- Buộc Ủy ban nhân dân phường T:

+ Xin lỗi bằng văn bản và đăng báo Đ 03 kỳ liên tiếp;

+ Trả lại tài sản gồm: 01 bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 05 cái bàn inox, 12 cái ghế nhựa;

+ Bồi thường thiệt hại số tiền 163.670.000 đồng (bao gồm: thu nhập bị mất do ảnh hưởng kinh doanh 30.000.000 đồng, tổn thất tinh thần là 74.500.000 đồng, chi phí luật sư là 50.000.000 đồng). Bà X xác định thiệt hại yêu cầu bồi thường là của cá nhân bà, không liên quan gì đến Công ty X1.

** Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, người bị kiện trình bày:*

Ngày 11/02/2018, tổ Quản lý trật tự phường phối hợp thực hiện theo Kế hoạch số: 09/KH-CAP ngày 30/01/2018 của Công an phường T về tuần tra xử lý các trường hợp vi phạm trật tự đô thị - an toàn giao thông trên địa bàn từ ngày 01/02/2018 đến ngày 28/02/2018. Trong quá trình thực hiện công tác, tổ trật tự đô thị nhận thấy tại địa điểm nhà số H H, khu phố C, phường T, thành phố B đặt bàn ghế tại vỉa hè lấn chiếm lề đường, sử dụng trái phép hè phố để kinh doanh dịch vụ ăn uống (có hình ảnh kèm theo, có người chứng kiến) vi phạm điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định số: 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ *"....b) Sử dụng trái phép lòng đường đô thị, hè phố để: Họp chợ; kinh doanh dịch vụ ăn uống; bày, bán hàng hóa, sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị, rửa xe; đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo; xây, đặt bục bệ; làm mái che hoặc thực hiện các hoạt động khác gây cản trở giao thông..."*. Vì vậy, vào hồi 22 giờ 28 phút tổ trật tự đô thị đã tiến hành lập Biên bản số: 00008/BB-VPHC về lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ đối với bà X, tuy nhiên bà X không hợp tác ký vào biên bản.

Vào ngày 14/02/2018, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số: 12/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính bà X với số tiền 2.500.000 đồng do vi

phạm điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định số: 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ. Việc Chủ tịch UBND phường T ban hành quyết định xử phạt là đúng thời hạn, trình tự, thẩm quyền theo Điều 38, 61, 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 08/3/2018, bà X đã nộp đơn khiếu nại và không đóng phạt theo Quyết định số: 12/QĐ-XPHC. Ngày 23/3/2018, Chủ tịch UBND phường T đã ra Văn bản số: 35/UBND trả lời đơn khiếu nại của bà X không có cơ sở để giải quyết.

Do sơ suất trong quá trình soạn thảo văn bản nên Quyết định số: 12/QĐ-XPHC đánh nhầm ngày 14/02/2018, thực tế ngày ban hành quyết định là 24/02/2018. Do đó, Chủ tịch UBND phường T đã ban hành Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 19/3/2018 để đính chính Quyết định số: 12/QĐ-XPHC. Việc đính chính quyết định là đúng quy định tại Điều 18 Luật Xử lý phạm hành chính, Điều 6a Nghị định số: 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số: 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017) của Chính phủ. Tuy nhiên, việc ban hành Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC lại tiếp tục sai sót trong quá trình soạn thảo tại khoản 3 Điều 1 về nội dung. Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số: 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ *"Có sai sót về nội dung làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định"*. Vì vậy, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018 hủy bỏ Quyết định số: 12/QĐ-XPVPHC và Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC do có sai sót về nội dung làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định.

Các quyết định đều được công chức chuyên môn về lĩnh vực đô thị giao trực tiếp cho bà X, thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Nay Chủ tịch UBND phường T và UBND phường T đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X do:

- Quyết định số: 12/QĐ-XPHC và Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC đã bị hủy theo Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC.

- Đối với việc bà X yêu cầu UBND phường T bồi thường số tiền 163.670.000 đồng là không có căn cứ do bà X không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phạt) đối với Quyết định số: 12/QĐ-XPVPHC và Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC.

- Biên bản số: 0008/BB-VPHC không tịch thu tài sản (01 bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 05 cái bàn inox, 12 cái ghế nhựa) nên UBND phường T không có nghĩa vụ hoàn trả.

** Bản án số 01/2024/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử*:

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 116, Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 5 Điều 11, Điều 13, Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 57, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 65, Điều 66, Điều 67 và Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Điều 7 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 12 và khoản 1 Điều 70 Nghị định số: 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

- Căn cứ Nghị định số: 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Nghị định số: 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị Long X đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 12/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Hủy Quyết định Đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 19/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Hủy Văn bản số: 35/UBND ngày 23/3/2018 về việc trả lời đơn khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Hủy Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018 về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 12/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2018 và Quyết định Đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 19/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị Long X đối với Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai về việc yêu cầu:

- Xin lỗi bằng văn bản và đăng báo Đ 03 kỳ liên tiếp;

- Bồi thường thiệt hại số tiền 163.670.000 đồng;

- Hoàn trả tài sản gồm: 01 bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 05 cái bàn inox, 12 cái ghế.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/5/2024, người khởi kiện bà Liêu Thị Long X kháng cáo bản án sơ thẩm phần bác yêu cầu công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại của người khởi kện và yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại của bà X.

** Quan điểm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Người khởi kiện bà Liêu Thị Long X kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B công khai xin lỗi, Trả lại tài sản và Bồi thường thiệt hại, không kháng cáo phần giải quyết các Quyết định hành chính, tuy nhiên để có cơ sở giải quyết phần bồi thường cấp phúc thẩm phải xem xét ltính hợp pháp của các Quyết định hành chính bị khởi kiện theo quy định tại Điều 220 Luật tố tụng hành chính.

Xét tính hợp pháp của các Quyết định số: 12/QĐ-XPHC ngày 14/02/2018, Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 19/3/2018, Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018 và Văn bản số: 35/UBND Ngày 23/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B:

- Về thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu ban hành: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính, khoản 1 Điều 70 Nghị định số: 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ và Điều 17 Luật Khiếu nại thì Chủ tịch UBND phường T ban hành các quyết định trên là đúng thẩm quyền.

Ngày 11/02/2018, Tổ Quản lý trật tự phường T lập Biên bản số: 00008/BB-VPHC về lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ đối với bà X. Ngày 14/02/2018, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số: 12/QĐ-XPHC và ngày 19/3/2018, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC. Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm

hành chính thì Chủ tịch UBND phường T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đảm bảo thời hiệu xử lý vi phạm hành chính và thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Về trình tự thủ tục ban hành và nội dung các quyết định:

Do việc lập Biên bản số: 00008/BB-VPHC ngày 11/02/2018 không đúng quy định pháp luật và việc xử phạt vi phạm hành chính khi bà X không có năng lực trách nhiệm hành chính nên Quyết định số: 12/QĐ-XPHC của Chủ tịch UBND phường T là trái pháp luật. Do đó, Văn bản số: 35/UBND ngày 23/3/2018 của Chủ tịch UBND phường T không chấp nhận khiếu nại của bà X cũng trái pháp luật.

Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC là đúng trình tự thủ tục. Tuy nhiên, do Quyết định số: 12/QĐ-XPHC là trái pháp luật nên Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC giữ nguyên nội dung xử phạt bà X cũng trái pháp luật.

Đối với Quyết định số 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018 của Chủ tịch UBND phường T mặt dù lý do ban hành không phù hợp nhưng Quyết định này là đúng quy định pháp luật nên các Quyết định số 12/QĐ-XPHC và Quyết định số 23/QĐ-ĐCXPVPHC của Chủ tịch UBND phường T đang bị khởi kiện không còn.

Do đó đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà X về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND phường T.

- Đối với yêu cầu UBND phường T trả 01 bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 05 cái bàn inox, 12 cái ghế nhựa: Xét thấy, theo Biên bản số: 00008/BB-VPHC ngày 11/02/2018 thể hiện không có thu giữ tài sản gì, bà X không cung cấp được chứng cứ chứng minh tổ tuần tra thu giữ các tài sản trên của bà, do đó yêu cầu này là không có sơ sở nên đề nghị bác yêu cầu của bà X.

- Đối với yêu cầu UBND phường T bồi thường số tiền thu nhập bị mất do ảnh hưởng kinh doanh 30.000.000 đồng và chi phí luật sư 50.000.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà X xin rút đối với 02 yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu của bà X là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu này.

- Đối với yêu cầu UBND phường T bồi thường tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng. Xét thấy, thời điểm UBND phường T xử phạt vi phạm hành chính bà X không có năng lực trách nhiệm hành chính, bị hạn chế khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi, do đó bà X không thuộc trường hợp được bồi thường tổn thất tinh thần, vì vậy đề nghị bác yêu cầu của bà X.

- Đối với yêu cầu UBND phường T xin lỗi bằng văn bản, đăng báo Đ 03 kỳ liên tiếp. Xét thấy, theo Điều 7 Luật tố tụng hành chính và Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước không quy định buộc cơ quan hành chính phải thực hiện công khai xin lỗi, do đó yêu cầu này của bà X sẽ không xem xét giải quyết trong vụ án này nhưng cấp sơ thẩm lại xem xét giải quyết và tuyên xử bác yêu cầu này của bà X là không phù hợp quy định pháp luật, vì vậy đề nghị sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên phần này.

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà X. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Liêu Thị Long X làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[4] Về nội dung kháng cáo:

Người khởi kiện bà Liêu Thị Long X kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B xin lỗi bằng văn bản và đăng báo Đ 03 kỳ liên tiếp; Trả lại tài sản gồm: 01 bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 05 cái bàn inox, 12 cái ghế nhựa và Bồi thường thiệt hại, không kháng cáo phần giải quyết các quyết định hành chính, tuy nhiên để có cơ sở giải quyết phần bồi thường cấp phúc thẩm phải xem xét luôn tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện theo quy định tại Điều 220 Luật tố tụng hành chính.

[4.1] Xét tính hợp pháp của các Quyết định số: 12/QĐ-XPHC ngày 14/02/2018, Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 19/3/2018, Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018 và Văn bản số: 35/UBND ngày 23/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B:

- Về thẩm quyền ban hành: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính, khoản 1 Điều 70 Nghị định số: 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ và Điều 17 Luật Khiếu nại thì Chủ tịch UBND phường T ban hành các quyết định trên là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu, thời hạn, trình tự thủ tục ban hành và nội dung các quyết định:

Ngày 11/02/2018, Tổ Quản lý trật tự phường T lập Biên bản số: 00008/BB-VPHC về lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ đối với bà X. Ngày 14/02/2018, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số: 12/QĐ-XPHC và ngày 19/3/2018, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC. Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Chủ tịch UBND phường T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đảm bảo thời hiệu xử lý vi phạm hành chính và thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Người bị kiện xác định việc lập Biên bản số: 00008/BB-VPHC ngày 11/02/2018 là căn cứ vào Kế hoạch số: 09/KH-CAP ngày 30/01/2018 của Công an phường T về phối hợp lực lượng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm tra phòng ngừa tội phạm và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị trên địa bàn phường T (từ ngày 01/02/2018 đến ngày 28/02/2018). Theo Kế hoạch số: 09/KH-CAP ngày 30/01/2018 nêu trên thì từ 22 giờ 30 đến 04 giờ ngày 11/02/2018 lực lượng tuần tra của Công an phường được phân công tuần tra cơ động trên tất cả các tuyến thuộc địa bàn phường, các đường hẻm liên khu phố, nhằm phòng ngừa các loại tội phạm trộm cắp, cướp giật...

Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số: 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017) của Chính phủ quy định: *"...2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không có thẩm quyền xử phạt quy định tại khoản 1 Điều này chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản..."*. Như vậy, lực lượng tuần tra của Công an phường chỉ được phân công phòng ngừa các loại tội phạm trộm cắp, cướp giật nhưng lại lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà X về hành vi *"Sử dụng trái phép hè phố để kinh doanh dịch vụ ăn uống"* theo điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định số: 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ là trái pháp luật. Biên bản số: 00008/BB-VPHC không giao cho bà X là vi phạm khoản 5 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính, ảnh hưởng đến quyền lợi giải trình của bà X.

Mặt khác, theo Bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 681/KL-VPYTW ngày 01/12/2020 và Bản Kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số: 256/KLBB-VPYTW ngày 13/4/2021 của Viện pháp y

tâm thần Trung ương B thì trước, trong và sau ngày 08/8/2019, bà X bị hạn chế khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi, đến ngày 13/4/2021 bệnh của bà X mới ổn định, như vậy trước, trong và sau ngày 08/8/2019, bà X không có năng lực trách nhiệm hành chính nên thuộc trường hợp không được xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 5 Điều 11 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, việc vi phạm khoản 5 Điều 11 Luật Xử lý vi phạm hành chính là lỗi khách quan do Bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 681/KL-VPYTW ngày 01/12/2020 và Bản Kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số: 256/KLBB-VPYTW ngày 13/4/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B đối với bà X có sau thời điểm Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định xử phạt.

Như vậy, do việc lập Biên bản số: 00008/BB-VPHC không đúng quy định pháp luật và việc xử phạt vi phạm hành chính khi bà X không có năng lực trách nhiệm hành chính nên Quyết định số: 12/QĐ-XPHC của Chủ tịch UBND phường T là trái pháp luật. Do đó, Văn bản số: 35/UBND ngày 23/3/2018 của Chủ tịch UBND phường T không chấp nhận khiếu nại của bà X cũng trái pháp luật.

Đối với Quyết định số 23/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 19/3/2018: Sau khi phát hiện ngày ban hành Quyết định số: 12/QĐ-XPHC có sai sót do soạn thảo, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC. Theo khoản 3 Điều 1 Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC thì Quyết định số: 12/QĐ-XPHC được đính chính ngày ban hành từ 14/02/2018 thành ngày 24/02/2018. Theo khoản 2 Điều 6a Nghị định số: 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2023 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số: 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017) của Chính phủ quy định: *"2. Quyết định về xử lý vi phạm hành chính được đính chính khi có sai sót về kỹ thuật soạn thảo mà không làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định".* Do đó, việc Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC là đúng trình tự thủ tục. Tuy nhiên, do Quyết định số: 12/QĐ-XPHC là trái pháp luật nên Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC giữ nguyên nội dung xử phạt bà X cũng trái pháp luật.

Đối với Quyết định số 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018: Chủ tịch UBND phường T hủy bỏ Quyết định số: 12/QĐ-XPHC và Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC với lý do có sai sót về nội dung làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định theo điểm a khoản 2 Điều 6b Nghị định số: 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ là không phù hợp. Bởi lẽ, căn cứ pháp luật để hủy Quyết định số: 12/QĐ-XPHC và Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC phải với lý do quyết định ban hành không đúng trình tự thủ tục và xử phạt trong thời gian người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính

quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6b Nghị định số: 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

Mặc dù lý do ban hành Quyết định số 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018 của Chủ tịch UBND phường T là không phù hợp nhưng Quyết định này của Chủ tịch UBND phường T là đúng quy định pháp luật nên các Quyết định số 12/QĐ-XPHC và Quyết định số 23/QĐ-ĐCXPVPHC của Chủ tịch UBND phường T đang bị khởi kiện không còn, do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà X phần này là không có cơ sở nên bác.

Cấp sơ thẩm cho rằng Quyết định số 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018 của Chủ tịch UBND phường T hủy Quyết định số: 12/QĐ-XPHC và Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC nhưng lý do hủy không đúng quy định pháp luật nên giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X đối với Chủ tịch UBND phường T và huỷ các Quyết định số: 12/QĐ-XPHC, Quyết định số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC, Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC và Văn bản số: 35/UBND của Chủ tịch UBND phường T là không đúng quy định pháp luật nên sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[4.2] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T trả 01 bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 05 cái bàn inox, 12 cái ghế nhựa: Xét thấy, theo Biên bản số: 00008/BB-VPHC ngày 11/02/2018 thể hiện không có thu giữ tài sản gì, bà X không cung cấp được chứng cứ chứng minh tổ tuần tra thu giữ các tài sản trên của bà nên cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận phần yêu cầu này của bà X là phù hợp quy định pháp luật.

[4.3] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T bồi thường số tiền thu nhập bị mất do ảnh hưởng kinh doanh 30.000.000 đồng và chi phí luật sư 50.000.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà X xin rút đối với 02 yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu của bà X là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu này.

[4.4] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T bồi thường tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng. Xét thấy, như đã phân tích ở trên thời điểm UBND phường T xử phạt vi phạm hành chính bà X không có năng lực trách nhiệm hành chính, bị hạn chế khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi, do đó bà X không thuộc trường hợp được bồi thường tổn thất tinh thần, vì vậy cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận phần yêu cầu này của bà X là phù hợp.

[4.5] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T xin lỗi bằng văn bản, đăng báo Đ 03 kỳ liên tiếp: Xét thấy, theo Điều 7 Luật tố tụng hành chính và Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước không quy định buộc cơ quan hành chính phải thực hiện công khai xin lỗi, do đó yêu cầu này của bà X sẽ không xem xét

giải quyết trong vụ án này nhưng cấp sơ thẩm lại xem xét giải quyết và tuyên xử bác yêu cầu này của bà X là không phù hợp quy định pháp luật, vì vậy sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên phần này.

[5] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Do sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo hướng bác đơn khởi kiện cuả bà X nên bà Liêu Thị Long X phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu trả lại tài sản không được chấp nhận,

Đối với các yêu cầu bồi thường liên quan đến Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước thì bà X không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 nhưng cấp sơ thẩm lại buộc bà X phải chịu án phí là không đúng quy định pháp luật, vì vậy sửa bản án sơ thẩm về phần này.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà X được chấp nhận một phần, do đó bà X không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Liêu Thị Long X; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 116, 193, 204, 206, Điều 218, khoản 3 Điều 229, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 5 Điều 11, Điều 13, 23, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 57, 58, điểm a khoản 1 Điều 65, Điều 66, 67, 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Điều 7, 27, 56 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 12, khoản 1 Điều 70 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

- Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T bồi thường số tiền thu nhập bị mất do ảnh hưởng kinh doanh 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và chi phí luật sư 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) của bà Liêu Thị Long X.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị Long X về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) gồm:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 12/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định Đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 19/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Văn bản số: 35/UBND ngày 23/3/2018 về việc trả lời đơn khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số: 86/QĐ-HBXPVPHC ngày 19/9/2018 về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 12/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2018 và Quyết định Đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 19/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị Long X về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai trả 01 bảng hiệu quảng cáo hộp đèn led, 05 cái bàn inox, 12 cái ghế nhựa và bồi thường số tiền thu nhập bị mất do ảnh hưởng kinh doanh 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), chi phí luật sư 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Liêu Thị Long X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu trả lại tài sản không được chấp nhận. Tổng cộng 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003127 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

- Án phí phúc thẩm: Bà Liêu Thị Long X không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho bà X số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 003978 ngày 28/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T.Đồng Nai;
- TAND khu vực;
- THADS;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Toàn